

Về đất ở và đất làm kinh tế phụ, nếu gia đình họ đã là xã viên hợp tác xã thì đương nhiên gia đình đã có đất ở và đất làm kinh tế phụ rồi, hợp tác xã không phải giải quyết gì thêm trong trường hợp này; nếu gia đình họ chưa là xã viên hợp tác xã, nay họ về cùng với gia đình đưa ruộng đất vào hợp tác xã thì hợp tác xã để lại cho họ một ít đất ở và đất làm kinh tế phụ như đối với các gia đình nông dân khác. Trường hợp họ không có ruộng đất kể cả đất ở thì Đại hội hoặc Đại hội đại biểu xã viên xét cấp cho họ một ít đất để làm nhà ở, trên tinh thần hết sức tiết kiệm, nhất là ở đồng bằng.

Về công lao động, dù là xã viên hay không phải là xã viên, nhưng được hợp tác xã nhận cho tham gia lao động và có gia đình là xã viên, thì toàn bộ công điếm của họ được tính như những người khác để dự vào phân phối thu nhập trong hợp tác xã.

Riêng về phân phối lương thực thì giải quyết như sau:

Anh chị em đã được Nhà nước cung cấp lương thực theo tiêu chuẩn, nên khi phân phối lương thực trong hợp tác xã theo ngày công của họ phải được trừ phần cung cấp đó đi. Trường hợp bình quân lương thực của hợp tác xã còn lại để chia tương đối cao, số ngày công của anh chị em làm cho hợp tác xã cũng nhiều, thì sau khi trừ phần Nhà nước cung cấp, số tăng hơn anh chị em được hưởng như những xã viên khác. Ở những hợp tác xã lương thực còn lại để chia chỉ bằng hoặc thấp hơn mức lương thực Nhà nước cung cấp thì không phải phân phối thêm cho anh chị em mà công điếm của họ được thanh toán bằng tiền. Trường hợp gia đình anh chị em thiếu lao động, tính công ăn chia không bảo đảm mức ăn bình quân chung của hợp tác xã thì công điếm của họ được bổ sung cho gia đình để tham gia phân phối lương thực, nhằm bảo đảm cho gia đình họ có mức ăn như những xã viên khác trong hợp tác xã.

Nếu gia đình anh chị em không phải là xã viên, chỉ có bản thân họ tham gia lao động và công tác cho hợp tác xã, thì việc trả công cho họ thế nào là do hai bên thỏa thuận giao ước với nhau.

Trên đây Bộ Nội vụ và Ban quản lý hợp tác xã trung ương quy định một số điếm chính nhằm giúp địa phương phương hướng thu hút cán bộ hưu trí, mất sức về nông thôn tham gia lao động sản xuất với tập thể.

Yêu cầu Ủy ban hành chính các tỉnh, thành và khu vực Vĩnh-linh dựa vào thông tư này

mà hướng dẫn cán bộ, công nhân viên chức về hưu, nghỉ việc vì mất sức và các hợp tác xã nông nghiệp ở địa phương thi hành.

Hà-nội, ngày 22 tháng 6 năm 1971

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

LÊ TẮT ĐẮC

T.M. Ban quản lý hợp tác xã
nông nghiệp trung ương

Phó trưởng ban

TRẦN QUỐC MẠNH

ỦY BAN KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

**QUYẾT ĐỊNH số 141-KHKT/QĐ ngày
9-7-1971 ban hành 18 tiêu chuẩn
Nhà nước về cơ khí và thủy tinh**

**CHỦ NHIỆM ỦY BAN KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC**

Căn cứ nghị định số 123-CP ngày 24-8-1963 của Hội đồng Chính phủ về việc nghiên cứu, xây dựng, xét duyệt, ban hành và quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp nông nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành 18 tiêu chuẩn Nhà nước về cơ khí và thủy tinh (trong danh mục kèm theo)

Điều 2. — Tùy theo hình thức ban hành, ngày có hiệu lực, các tiêu chuẩn nói trên phải được nghiêm chỉnh thực hiện trong tất cả các ngành, các địa phương có liên quan.

Hà-nội, ngày 9 tháng 7 năm 1971

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước

Phó Chủ nhiệm

TRẦN QUỲNH

DANH MỤC TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC

về cơ khí và thủy tinh

(ban hành kèm theo quyết định số 141-KHKT/QĐ ngày 9-7-1971
của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước)

Số hiệu tiêu chuẩn	Nội dung tiêu chuẩn	Hình thức ban hành	Ngày có hiệu lực	Phạm vi áp dụng
TCVN 1033-71	Côn ngấn của dụng cụ. Kích thước	Chính thức áp dụng	1-7-1972	Tất cả các ngành, các địa phương có liên quan.
TCVN 1034-71	Mũi tâm	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1035-71	Lỗ tâm	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1036-71	Bán kính góc lượn và mép vát	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1037-71	Vòng chặn phẳng. Kích thước	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1038-71	Vòng chặn phẳng có tai. Kích thước	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1039-71	Vòng chặn phẳng có vấu. Kích thước	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1040-71	Vòng chặn. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1041-71	Đầu trục hình trụ	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1042-71	Đầu trục hình côn	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1043-71	Then bằng cao	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1044-71	Thủy tinh. Phương pháp xác định khối lượng thể tích	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1045-71	Thủy tinh. Phương pháp xác định độ bền xung nhiệt	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1046-71	Thủy tinh. Phương pháp xác định bền độ nước	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1047-71	Thủy tinh. Phương pháp xác định độ bền kiềm.	Khuyến khích áp dụng		
TCVN 1048-71	Thủy tinh. Phương pháp xác định độ bền axit	Chính thức áp dụng	— nt —	— nt —
TCVN 1049-71	Thủy tinh. Phân cấp về độ bền hóa học.	— nt —	— nt —	— nt —
TCVN 1050-71	Dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh Côn mài (cô mài và nút mài) có độ côn 1 : 10. Kích thước phần mài.	— nt —	— nt —	— nt —

K.T. Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước

Phó Chủ nhiệm

TRẦN QUỲNH

PHỤ THỦ TƯỚNG XUẤT BẢN

In tại Nhà máy in Tiến bộ—Hà-nội